TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 01 - 2021

V/v tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN- TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Sơn

2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký tòa án nhân dân Quận Ngũ Hành Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc *"Chia tài sản sau khi ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị X**, sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt;

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Minh X1**, sinh năm: 1976

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng- Có mặt;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Phạm Ngọc A**, sinh năm: 1951
- Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1957

Cùng trú tại: Tổ 21 (mới), phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Bà Trần Thị M ủy quyền cho ông Phạm Ngọc A, theo giấy ủy quyền được UBND phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng xác nhận ngày 15/7/2020- Cả hai đều có mặt;

4. Người giám định:

1. Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân- Chi nhánh Đà Nẵng.

Địa chỉ: Tầng 6, 76-78 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự ngày 02/6/2020 biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị X trình bày:

Theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng;

Về quan hệ hôn nhân bà được ly hôn ông Nguyễn Minh X1;

Về con chung giao con Nguyễn Phạm Xuân T, sinh ngày 25/6/2006 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông X1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản chung, vợ chồng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có tạo lập và xây dựng được 01 ngôi nhà cấp 4, 02 tầng, mái bằng, tường xây bê tông cốt thép, nền gạch men, diện tích 40m^2, tọa lạc trên diện tích đất 179,4m^2 của cha mẹ bà là ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M; thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M; trị giá ngôi nhà là 600.000.000 đồng.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là ngôi nhà nằm trên đất của cha mẹ bà diện tích 40m^2, giá trị 600.000.000 đồng, theo tỷ lệ 60% - 40% (bà được hưởng 60% ông X1 được hưởng 40%); bà có nguyện vọng được quản lý, sử dụng ngôi nhà và có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông X1.

Tại phiên tòa bà đề nghị Hội đồng xét xử chia ngôi nhà trên theo pháp luật.

Về kết quả định giá ngôi nhà trị giá 483.000.000 đồng bà thống nhất và không có ý kiến gì. Đối với chi phí định giá tài sản là 11.300.000 đồng bà tự nguyện chịu.

Bị đơn là ông Nguyễn Minh X1 đã được tòa án tiến hành tống niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để bị đơn trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông X1 vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Ngày 19/01/2021 ông Nguyễn Minh X1 cung cấp các tài liệu, chứng cứ và đơn trình bày về việc cha mẹ ruột của ông tặng cho vợ chồng ông quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thửa đất số 91, tờ bản đồ số 69, diện tích 106m^2, tại tổ 09, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, được Phòng công chứng số 3 TP. Đà Nẵng công chứng ngày 08/9/2008. Sau đó, vợ chồng ông X1 và bà X chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà Đồng Thị Thiện được Phòng công chứng số 3 TP. Đà Nẵng công chứng ngày 15/9/2017 để lấy tiền

xây dựng nhà trên lô đất của bố mẹ vợ cho vợ chồng ông tại tổ 21, đường Nguyễn Hữu Hào, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Do đó, ông không đồng ý chia ngôi nhà trên mà để lại cho con và phải được lập thành văn bản, không thỏa thuận bằng miệng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh X1 thống nhất giá trị ngôi nhà theo kết quả định giá là 483.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử chia theo pháp luật đồng thời ông có nguyện vọng được nhận nhà và thối trả tiền cho bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M trình bày: Vợ chồng tôi được sở hữu thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên tôi Phạm Ngọc A và vợ là bà Trần Thị M.

Trong thời gian vợ chồng bà Phạm Thị X với ông Nguyễn Minh X1 còn chung sống với nhau thì vợ chồng chúng tôi có cho xây dựng 01 ngôi nhà trên đất của vợ chồng tôi để ở. Hiện nay, con gái tôi là bà Phạm Thị X đã ly hôn với ông Nguyễn Minh X1 nhưng về tài sản chung của vợ chồng con gái và con rể tôi là 01 ngôi nhà cấp 4, 02 tầng, mái bằng tường xây bê tông cốt thép, nền gạch men, diện tích 40m^2 chưa chia nên vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết chia ngôi nhà đã xây dựng trên đất cho bà Phạm Thị X với ông Nguyễn Minh X1 và trả lại diện tích đất cho vợ chồng chúng tôi (khi Tòa án chia nếu giao nhà cho bà Phạm Thị X thì vợ chồng tôi đồng ý giao nhà và đất cho bà X quản lý, sử dụng và bà X có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản là ngôi nhà cho ông X1).

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện cơ bản đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Minh X1 đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt tại các phiên hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 33, khoản 2, 3, 5 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 147, Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X1 là 01 ngôi nhà cấp 4 tại tổ 21 phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng có giá trị là 483.000.000 đồng.

Tuyên xử: Giao cho bà bà Phạm Thị X được nhận nhà tại tổ 21 phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thối trả cho ông Nguyễn Minh X1 số tiền 241.500.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị X nộp tại Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Đến năm 2019 Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đã giải quyết vụ án ly hôn giữa bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 theo bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2019/HNGĐ-ST ngày 23/01/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng, nhưng tài sản chung chưa giải quyết.

Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 trong thời kỳ chung sống với nhau có tạo lập được khối tài sản chung là một ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum) móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2 (đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M); tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M, tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; trị giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng.

Xét đây là tài sản thuộc sở hữu chung của bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 tạo dựng được trong thời kỳ chung sống với nhau. Vì vậy, đối với phần tài sản chung còn lại cần được giải quyết theo pháp luật. Xét thấy tài sản này là do bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 tạo dựng được nên cần căn cứ vào Điều 33; 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213 Bộ luật dân sự để giải quyết chia cho mỗi người được sở hữu ½ giá trị tài sản đối với ngôi nhà là hoàn toàn phù hợp.

Việc bà X và ông X1 đều thống nhất giá trị ngôi nhà là 483.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử chia theo pháp luật; cả bà X và ông X1 đều có nguyện vọng được nhận nhà và có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho nhau. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy ngôi nhà hiện nay đang tọa lạc trên diện tích đất của vợ chồng ông A và bà M, hơn nữa hiện nay bà X đang còn nuôi con nhỏ nên xét cần giao nhà cho bà X quản lý, sử dụng là thỏa đáng.

Đối với ngôi nhà này hiện đang tọa lạc trên diện tích đất của vợ chồng ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M, lẽ ra cần phải giao cho ông A và bà M quản lý, sử dụng đồng thời buộc ông A bà M có nghĩa vụ thối trả tiền giá trị ngôi nhà cho bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 là phù hợp. Tuy nhiên, ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M đều đồng ý giao nhà và đất cho bà X được quản lý, sử dụng và bà X cũng có nguyện vọng được quản lý, sử dụng ngôi nhà trên đồng thời có nghĩa vụ

thối trả tiền chênh lệch tài sản là ngôi nhà cho ông X1. Đây là ý chí tự nguyện của vợ chồng ông Phạm Ngọc A bà Trần Thị M và bà Phạm Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy thỏa đáng nên cần ghi nhận.

[3] Theo kết quả thẩm định giá tài sản ngày 22/10/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân thì ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2 của bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 trị giá 483.000.000 đồng.

Ngày 24/12/2020 Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ông Nguyễn Minh X1 không thống nhất kết quả định giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng nên ông X1 đề nghị giám định lại và các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải. Tuy nhiên, ông X1 không làm đơn yêu cầu giám định lại ngôi nhà và các đương sự vẫn không tự hòa giải được với nhau việc phân chia tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả định giá ngày 22/10/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Như vậy, giá trị ngôi nhà là: 483.000.000 đồng, xét cần chia cho bà X và ông X1 mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản; cụ thể: 483.000.000 đồng : 2 (người) = 241.500.000 đồng; phần bà X được nhận là: 241.500.000 đồng, ông X1 được nhận là: 241.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành S tại phiên tòa hôm nay về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như như đề nghị chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà bà Phạm Thị X và ông Nguyễn Minh X1 là có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chia cụ thể như sau:

Bà Phạm Thị X được sở hữu ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2 (đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M); tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M; tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; trị giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng.

Bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh X1 là: 241.500.000 đồng.

[5] Căn cứ vào kết quả định giá đất đang trA chấp ngày 22/10/2020 của Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân thì ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2, có giá trị là: 483.000.000 đồng để làm căn cứ tính án phí.

Đối với lệ phí thẩm định giá tài sản 11.300.000 đồng, bà X đã nộp cho Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân, để tiến hành định giá tài sản là ngôi nhà. Do bà X tự nguyện chịu nên không đề cập đến.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo giá ngạch là 5% của số tiền được nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X1.

Tuyên xử: Bà Phạm Thị X được sở hữu ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2 (đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M); tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M; tại tổ 21 (mới) phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng; trị giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh X1 là: 241.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Phạm Thị X phải chịu: 12.075.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009932 ngày 05/6/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ hành Sơn, TP. Đà Nẵng. Bà X còn phải nộp 3.075.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh X1 phải chịu: 12.075.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Lâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ HÀNH S
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn S

2. Ông Nguyễn Tuấn Ngọc

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 về trA chấp *"Chia tài sản sau khi ly hôn"* giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phạm Thị X**, sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Minh X**, sinh năm: 1976

Trú tại: Tổ 21, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Phạm Ngọc A**, sinh năm: 1951
- Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1957

Cùng trú tại: Tổ 21, phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng. Bà Trần Thị M ủy quyền cho ông Phạm Ngọc A, theo giấy ủy quyền được UBND phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng xác nhận ngày 15/7/2020.

* Người giám định:

1. Công ty TNHH thẩm định giá Hoàng Quân- Chi nhánh Đà Nẵng.

Địa chỉ: Tầng 6, 76-78 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng xét xử:

- Ông Trần Văn S; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X.

- Ông Nguyễn Tuấn Ngọc; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X.

- Ông Lê Văn Lâm; Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X.

Sau khi thảo luận các thành viên trong Hội đồng xét xử đều thống nhất biểu quyết 3/3 và quyết định các nội dung sau:

Căn cứ vào Điều 33; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 213 Bộ luật dân sự. Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của bà Phạm Thị X đối với ông Nguyễn Minh X.

Tuyên xử: Bà Phạm Thị X được sở hữu ngôi nhà cấp 3, 02 tầng, 1 tầng (tum), móng cột khung dầm, sàn bê tông cốt thép, nền gạch men, mái đúc, tường xây, diện tích sàn 126,28m^2, tọa lạc trên diện tích đất 42,294m^2 (đất thuộc quyền sử dụng của ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M); tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 57, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 077412, số vào sổ cấp GCN: CTs 102493, do Sở tài nguyên và môi trường TP. Đà Nẵng cấp ngày 19/7/2016, đứng tên ông Phạm Ngọc A và bà Trần Thị M; tại tổ 21 (mới) phường Khuê M, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng; trị giá ngôi nhà là 483.000.000 đồng.

Buộc bà Phạm Thị X có nghĩa vụ thối trả tiền chênh lệch tài sản cho ông Nguyễn Minh X là: 241.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản

tiền.

Án phí dân sự sơ thẩm: - Bà Phạm Thị X phải chịu: 12.075.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0009932 ngày 05/6/2020, tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ hành S, TP. Đà Nẵng. Bà X còn phải nộp 3.075.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Minh X phải chịu: 12.075.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**